

VỀ TRIẾT LÝ “DĨ BẤT BIẾN ỨNG VẠN BIẾN” CỦA HỒ CHÍ MINH

ON HO CHI MINH'S PHILOSOPHY OF "MAKING INVARIABLES RESPOND TO NUMEROUS VARIABLES"

Trần Ngọc Ánh

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng; tranngocanhhdhn@yahoo.com.vn

Tóm tắt - Biện chứng giữa cái bất biến và cái vạn biến là một tư tưởng quan trọng trong triết học Hồ Chí Minh. Đó là cơ sở lý luận quan trọng giúp Hồ Chí Minh có những chủ trương, quyết sách chính trị mau lẹ nhưng lại cực kỳ chính xác, linh hoạt và khôn khéo không chỉ trong cách mạng giải phóng dân tộc, mà còn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phép biện chứng giữa cái bất biến và cái vạn biến của Hồ Chí Minh là sự kế thừa, phát triển và nâng cao phép biện chứng phương Đông cổ đại trên cơ sở phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin. Việc nghiên cứu và làm rõ biện chứng giữa cái bất biến và cái vạn biến là cơ sở quan trọng trong nghiên cứu tư tưởng triết học Hồ Chí Minh và góp phần lý giải nhiều sự kiện lịch sử có tính bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

Từ khóa - Hồ Chí Minh; triết học; bất biến; vạn biến; lịch sử; cách mạng.

Abstract - The dialectics between invariables and numerous variables is a crucial thought in Ho Chi Minh's philosophical wisdom. It is an important theoretical basis which helps Ho Chi Minh to put forward prompt but extremely accurate, versatile and clever political decisions not only in the national liberation revolution but also in the construction of socialism. Ho Chi Minh's dialectics between invariables and numerous variables is the inheritance, development and enhancement of the dialectics of the ancient Orient based on the materialistic dialectics of Marxism - Leninism. Studying and clarifying the dialectics between invariables and numerous variables is an important foundation in the study of Ho Chi Minh's philosophical thoughts, thereby helping to explain turning-point historical events of Vietnam's revolution.

Key words - Ho Chi Minh; philosophy; invariable; numerous variables; history; revolutionary.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng triết học phương Đông, triết lý “Dĩ bất biến ứng vạn biến” là một tư tưởng biện chứng sâu sắc. Triết lý đó xuất phát từ quan niệm vạn vật sinh hóa đều do lý (có thể hiểu là quy luật) chi phối. Theo đó, nếu nắm được lý của vũ trụ thì có thể thuận theo trời đất, thích ứng được với mọi sự biến hóa của vạn vật. Đó là cơ sở triết lý của phương châm: lấy tĩnh chế động, lấy nhu thắng cương, lấy bất biến chế ngự vạn biến.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, có những giai đoạn, Người đã vận dụng cực kỳ tài tình và uyển chuyển đổi sách chính trị theo phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” đưa cách mạng Việt Nam vượt qua những tình thế cực kỳ hiểm nghèo, chưa từng có trong lịch sử. Có thể nói chính phép biện chứng giữa cái bất biến và cái vạn biến trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn giữa phép biến dịch phương Đông với biện chứng mác xít đã giúp Hồ Chí Minh đạt được sự kết hợp không ai có thể bắt chước nổi, giữa tính mềm dẻo với tính cương nghị, giữa tính linh hoạt về chính trị với tính cứng rắn về nguyên tắc, giữa việc vận dụng truyền thống yêu nước với sự phân tích khoa học mác xít.

2. “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh không có tác phẩm riêng bản về phương pháp. Nhưng trong thực tế lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng Việt Nam, Người đã vận dụng sáng tạo và nhuần nhuyễn các nguyên lý của phép biện chứng duy vật mác xít kết hợp với các yếu tố biện chứng của triết học phương Đông, qua đó tạo nên một hệ thống phương pháp riêng của mình, rất mác xít mà cũng rất Hồ Chí Minh, có thể gọi là biện chứng Hồ Chí Minh. Phương pháp biện chứng của Hồ Chí Minh, vẫn là phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng đã được vận dụng và chuyển hoá vào thực tiễn cách mạng Việt Nam để xử lý thành công những vấn đề rất khó khăn, phức tạp do thực tiễn cách mạng đặt ra. Biện

chứng đó in đậm màu sắc Việt Nam - Hồ Chí Minh và là cái riêng đặc sắc hiếm có, nhờ đó, Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm cái chung, phát triển thêm cái chung là phép biện chứng duy vật mác xít.

“Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong triết học phương Đông

Trong tư tưởng triết học cả phương Đông và phương Tây, biện chứng giữa cái bất biến và cái vạn biến thực chất là mối quan hệ giữa cái bản thể (không thay đổi) và cái hiện tượng (thường xuyên thay đổi), giữa cái một và cái nhiều. Trong triết học phương Đông, bản thể là cái bất biến, không sinh không diệt, không thể thêm, bớt, còn cái hiện tượng thì biến chuyển không ngừng, nay còn mai mất. “Dĩ bất biến ứng vạn biến” là lấy cái bất biến (cái không thay đổi) ứng phó với cái vạn biến (cái luôn thay đổi). Bởi mọi sự vật, hiện tượng dù có thiên sai vạn biệt, phong phú, đa dạng thay đổi khôn lường thì cũng vẫn xoay quanh trục của nó – tức bản thể của nó, cái mà người xưa gọi là “chốt của đạo”. Bậc thánh nhân xưa, luôn luôn đứng ở cái bất biến mà quan sát cái vạn biến, dùng cái bất biến ứng phó với cái vạn biến. Nếu không nắm được cái bất biến mà cứ suốt đời chạy theo cái vạn biến thì theo không nổi, công việc không hiệu quả. Điều đó cũng hàm nghĩa, trong cuộc sống xã hội, cần nắm giữ cái lớn lao, đừng có sa vào những cái vụn vặt, chạy theo những cái nhất thời. Con người nên đứng ở cái “chốt của đạo” (cái bất biến) mà quan sát, từ đó dung hòa, quân bình vạn vật, nhận ra cái bản thể trong cái hiện tượng, nắm cái toàn thể trong cái cục bộ, cái không thay đổi trong cái thay đổi. Xưa Lý Thánh Tông, khi đi lo việc biên cương ở phương nam, dẹp loạn Chiêm Thành, có dặn lại nhiếp chính Ý Lan: “Vạn biến như lôi, nhất tâm thiên định”, ý nói cứ lấy nhất tâm bất biến (một lòng lo giữ việc nước) thì có thể đối phó với vạn biến (dù có dữ dội như sấm sét). Điều đó cho thấy, biện chứng giữa cái bất biến và cái vạn biến - tư tưởng biện chứng hết sức sâu sắc của triết học phương Đông, đã in sâu trong triết lý hành động của nhiều bậc cầm quyền uyên bác một số

nước Á Đông, trong đó có Việt Nam.

Biện chứng giữa “bất biến” và “vạn biến” trong triết học Mác – Lê Nin

Triết học Mác - Lê nin tuy không sử dụng cặp phạm trù “bất biến” và “vạn biến”, nhưng có thể nhận thấy biện chứng giữa “bất biến” và “vạn biến” hiện diện phổ biến trong nội dung lý luận của nó. Chẳng hạn, trong chủ nghĩa duy vật biện chứng, bản thể là vật chất nhưng vật chất lại luôn luôn vận động, biến đổi, chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác. Trong phép biện chứng duy vật, mối quan hệ giữa vận động và đứng im, giữa hiện tượng và bản chất, cái chung và cái riêng, mâu thuẫn và hình thức thể hiện của mâu thuẫn... đều ẩn chứa biện chứng giữa cái bất biến và cái vạn biến. Theo lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, các chế độ xã hội đều lần lượt thay đổi, nhưng trong xã hội nào thì con người cũng vẫn cần đến ăn, uống, mặc, ở... tức là vẫn phải có sản xuất và phân phối. Như vậy cái bất biến là những hằng số xã hội, còn cái vạn biến, như C.Mác nói, chỉ là về cách thức sản xuất và cách thức phân phối: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào” [3; tr. 268].

Trong vũ trụ mà khoa học đã khám phá, vốn tồn tại phạm trù “bất biến” và “vạn biến”. Hoá học được xây dựng trên cơ sở định luật bảo toàn trọng lượng. Công thức có thể biến hoá, nhưng trị số thì không đổi. Năng lượng học dựa trên định luật bảo toàn năng lượng, dù có thể chuyển đổi từ dạng này sang dạng khác, nhưng tổng thể năng lượng luôn luôn được bảo toàn. Toán học có những hằng số, hằng đẳng thức không đổi, dù biểu hiện của chúng có nhiều dạng khác nhau. Vậy là, biện chứng giữa bất biến và vạn biến có tính phổ quát trong vũ trụ.

“Dĩ bất biến ứng vạn biến” Hồ Chí Minh

Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, đó là quan điểm cốt lõi nhất của nhận thức luận mácxít và cũng là nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật. Theo quan điểm của C.Mác: Ở mỗi dân tộc, lý luận bao giờ cũng chỉ được thực hiện theo mức độ mà nó thực hiện (phản ánh) được những nhu cầu lịch sử của dân tộc ấy. Nói cách khác, lý luận chỉ được coi là đúng đắn khi nó đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của mỗi dân tộc. Hồ Chí Minh cũng khẳng định: Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. “Lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy đủ tính sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động” [6; tr. 496].

Theo quan niệm đó, Hồ Chí Minh luôn luôn lấy thực tiễn, lấy sự kiện thực tế đời sống xã hội của dân tộc và thời đại làm căn cứ chủ yếu cho tư duy và hành động, lấy mục tiêu độc lập và phát triển của dân tộc làm căn cứ để xem xét lý luận, để lựa chọn con đường và bước đi phù hợp cho cách mạng Việt Nam, nhờ đó mà tránh được giáo điều, rập khuôn, đồng thời cũng tránh để không rơi vào cơ hội, xét lại (do quá nhấn mạnh cái riêng, cái đặc thù). Đánh giá về những quyết sách chính trị linh hoạt và chính xác của Hồ Chí Minh thời kỳ 1945 – 1946, đồng chí Lê Duẩn đã viết: “Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đã ghi vào lịch sử cách

mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lêninnít về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc” [1; tr. 45].

Trên thực tế, trước khi sang Pháp đàm phán, Người chỉ dẫn lại cụ Huỳnh có một câu: Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng anh em giải quyết cho. “Mong cụ ở nhà: dĩ bất biến ứng vạn biến”. Vậy cần hiểu “dĩ bất biến ứng vạn biến” mà Hồ Chí Minh nói đến là gì? Về phương diện triết học, có thể hiểu “bất biến” là quy luật, vì chỉ có quy luật (tự nhiên, xã hội, tư duy) là tồn tại lâu dài, là hầu như bất biến, còn “vạn biến” là hiện tượng - sự biểu hiện đa dạng của quy luật, cho nên có thể dựa vào quy luật mà lý giải hiện tượng hay ngược lại, từ phân tích vô vàn hiện tượng có thể tìm ra quy luật tương ứng. Với Hồ Chí Minh, biện chứng giữa “bất biến” và “vạn biến” là xử lý khôn khéo linh hoạt mối quan hệ giữa mục tiêu và phương pháp, nguyên tắc và sách lược. Mục tiêu bất di bất dịch của chúng ta là độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân. Đó là cái bất biến. Còn phương pháp – sách lược có thể tùy tình hình mà biến hoá đa dạng, thay đổi linh hoạt, nhưng không được xa rời cái bất biến. Người nói: “Mục đích của ta trước sau vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì phải linh hoạt” [5; tr. 319]. Về bản chất, đó là phương pháp biện chứng duy vật mácxít được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam, có sự kết hợp với tư duy biện chứng phương Đông, in đậm dấu ấn Việt Nam. Đó là sự kết hợp tính cương nghị về nguyên tắc với tính mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, lấy cái đại đồng để khắc phục cái tiểu dị. Đó là luôn luôn đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu, trên hết và trước hết, thực hiện mục tiêu đại đoàn kết dân tộc, đồng thời phân hoá và cô lập kẻ thù, tập trung lực lượng đấu tranh vào kẻ thù chính. Đó là nghệ thuật thắng từng bước, có thể chấp nhận những bước lùi tạm thời nhằm tạo điều kiện để củng cố lực lượng, sau đó tiến lên, cuối cùng giành thắng lợi cho độc lập dân tộc để từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn vận dụng một cách tài tình, linh hoạt và nhuần nhuyễn triết lý “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”. Với Hồ Chí Minh, triết lý không phải để triết lý, mà triết lý là để làm, triết lý hành động. Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy trên thực tế tinh thần của triết học Mác: “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới” [2; tr. 12]. Phương châm của Hồ Chí Minh là “độc thư bất vong cứu nước, cứu nước bất vong độc thư” (độc sách không quên cứu nước, cứu nước không quên đọc sách). Ở Hồ Chí Minh, người cách mạng và người trí thức hòa quyện, thống nhất với nhau làm một, người cách mạng phải có trí tuệ, người trí thức phải phục vụ cách mạng, phụng sự tổ quốc và nhân dân. Bởi thế, triết lý “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” Hồ Chí Minh là triết lý hành động. Trong bối cảnh hiểm nghèo ở tình thế “nghìn cân treo sợi tóc” của lịch sử dân tộc thời kỳ sau Cách mạng Tháng 8/1945, Hồ Chí Minh đã ứng phó rất tài tình phương châm “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” và góp phần đưa cách mạng Việt Nam vượt qua những thời điểm lịch sử ngặt nghèo tưởng như không thể vượt nổi. Chúng ta đều biết, theo quyết định của Đồng minh tại Hội nghị Potsdam (tháng 7/1945), gần 20 vạn quân Tưởng đổ vào bắc Đông Dương (từ vĩ tuyến 16 trở

ra) và hàng vạn quân Anh - Ấn Độ đổ vào nam Đông Dương đều với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật và đều có những âm mưu, thủ đoạn nhằm bóp chết cách mạng Việt Nam. Nguy hiểm hơn, núp dưới bóng quân đội Anh, thực dân Pháp cũng đem quân trở lại trắng trợn xâm lược hồng nô dịch nước ta thêm lần nữa. Nếu kể cả quân đội Nhật tuy đã đầu hàng nhưng chưa bị tước vũ khí, thì vào lúc đó, có gần nửa triệu quân nước ngoài đóng trên đất nước ta. Cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, tình thế cách mạng Việt Nam thực sự lâm nguy trước thử thách tồn vong. Để bảo vệ thành quả cách mạng, Hồ Chí Minh chủ trương giữ bằng được chính quyền cách mạng và khối đại đoàn kết dân tộc (cái bất biến), còn biện pháp và đối sách với kẻ thù thì phải “vạn biến”, cực kỳ linh hoạt và khôn khéo. Đó là cơ sở của đối sách “Dĩ bất biến ứng vạn biến” lúc “hòa Tưởng, đánh Pháp”, lúc “hòa Pháp, gạt Tưởng” tạo lập không gian và thời gian để củng cố, xây dựng lực lượng cách mạng, vượt qua tình thế khó khăn, hiểm nghèo và tiếp tục tiến lên. Ngay cả phương châm “hòa Tưởng, đánh Pháp”, hay “hòa Pháp, gạt Tưởng” cũng phải “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Chẳng hạn, “hòa Tưởng là phương châm có tính tình thế, nhưng biện pháp thì linh hoạt trên cơ sở phân hoá kẻ thù và khai thác mâu thuẫn trong hàng ngũ của chúng. Quân đội Tưởng vào miền Bắc có ba thế lực: cánh Lư Hán thuộc Đệ nhất chiến khu Vân Nam, cánh Tiêu Văn thuộc Đệ tứ chiến khu Quảng Tây, cánh Chu Phúc Thành thuộc quân khu Trung ương Trùng Khánh. Chúng giống nhau về mục tiêu “diệt cộng, cầm Hồ” để dựng lên chính quyền tay sai, phục vụ cho mưu đồ lâu dài của chúng, nhưng mâu thuẫn với nhau về lợi ích cá nhân. Biết Lư Hán vốn có tư thù sâu sắc với Tưởng Giới Thạch và cả với Pháp (Pháp từng tịch thu của Lư Hán mấy chuyến hàng lớn trên tuyến đường sắt Hải Phòng - Côn Minh), Hồ Chí Minh đã chủ động tới thăm chúng nhằm tranh thủ Lư Hán, đồng thời, nhượng bộ cho vợ chồng Tiêu Văn một số đặc quyền kinh tế để cô lập cánh Chu Phúc Thành... Nhờ đó, chúng ta buộc họ phải thay đổi thái độ đối với Chính phủ Hồ Chí Minh và đã lợi dụng được lực lượng quân đội Tưởng làm bình phong, ngăn chặn quân đội Pháp đang lấn le ra miền Bắc.

Trong xây dựng đất nước, cái “bất biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa xã hội, cái “vạn biến” là bước đi, phương pháp, hình thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải phù hợp với đặc điểm tình hình đất nước và nhu cầu, khả năng thực tiễn của nhân dân. Khi miền Bắc từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tiền tư bản bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đặt vấn đề: Chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến lên chủ nghĩa xã hội? Và nhắc nhở: Tuy chúng ta đã có những kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta. “Phải kiên nhẫn bắc những nhịp cầu nhỏ và vừa, phải chọn những giải pháp trung gian và quá độ” [5; tr. 538]; “Phải trải qua nhiều bước, dài, ngắn là tùy hoàn cảnh. Mỗi bước, chớ ham làm mau, ham rầm rộ. Làm ít mà chắc, đi bước nào, vững bước ấy tiến tới dần dần” [5; tr. 540]. Người viết: “Mấy năm kháng chiến, ta chỉ có nông thôn, bây giờ mới có thành thị... nếu muốn công nghiệp hóa gấp là chủ quan... Ta cho nông nghiệp là quan trọng và ưu tiên, rồi tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp

nhẹ, sau mới đến công nghiệp nặng” [7; tr. 180]. Lúc bấy giờ, các nước đều coi Liên Xô là hình mẫu đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng Hồ Chí Minh vẫn chỉ rõ: Chúng ta “không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử, địa lý khác”, “làm trái với Liên Xô cũng là macxit” [5; tr.319].

Nhìn một cách tổng thể, cái “bất biến” xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh là lợi ích tối cao của tổ quốc và dân tộc trên nền tảng các giá trị: độc lập, tự do, hạnh phúc, dân chủ. Cái “bất biến” đó thể hiện rõ trong câu đầu tiên trên mọi văn bản từ khi Hồ Chí Minh khai sinh ra nhà nước mới: *Việt Nam dân chủ cộng hòa/ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*. Nước Việt Nam là một nước độc lập, một nước dân chủ, mọi người đều được hưởng quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc. Trong bốn yếu tố “bất biến” đó thì độc lập cho Tổ quốc là cái bất biến số một, bởi chỉ có độc lập mới có tự do, dân chủ và hạnh phúc. Bởi thế, Hồ Chí Minh khẳng định: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [6; tr. 227]. Mặt khác, Hồ Chí Minh luôn gắn liền độc lập với tự do hạnh phúc của nhân dân, bởi “Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì” [4; tr. 161]. Như vậy, độc lập vừa là mục tiêu vừa là tiền đề để thực hiện mục đích cao cả nhất của cách mạng là đem lại tự do, hạnh phúc cho tất cả mọi người. Người chỉ rõ: Thắng để quốc, phong kiến còn tương đối dễ nhưng thắng bản cùng, lạc hậu còn khó hơn nhiều. Đó “là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu *không lồ* này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân” [8; tr. 510].

3. Kết luận

Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng nhằm cứu dân, cứu nước, Hồ Chí Minh đã đi tìm một con đường cách mạng mới để giải phóng dân tộc và phát triển đất nước theo con đường tiến bộ. Người đã tìm đến nhiều học thuyết Đông - Tây, trên hết là chủ nghĩa Mác - Lê nin, đã học hỏi, tiếp thu, dung hợp, tích hợp và phát triển nhiều tinh hoa tư tưởng của những người đi trước. Từ đó, Hồ Chí Minh đã hình thành cho mình một thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp biện chứng mac xít, tạo nền tảng triết học vững chắc để xây dựng lý luận, đường lối và phương pháp cho cách mạng Việt Nam. Triết học Hồ Chí Minh là triết học thực tiễn, biện chứng Hồ Chí Minh là biện chứng thực hành, trong đó *Biện chứng giữa “bất biến” và “vạn biến”* giữ vai trò cực kỳ quan trọng và nó được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp và trước tác của Hồ Chí Minh.

Sự nghiệp đổi mới đất nước toàn diện, đồng bộ, sâu sắc gắn với mở cửa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đang đặt ra trước chúng ta nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn. Thực tiễn đổi mới 30 năm qua chứng tỏ rằng: Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, càng đối diện với nhiều vấn đề nan giải, phức tạp thì càng cần phải trở về với những tư tưởng “gốc” của Hồ Chí Minh

từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, giáo dục, đạo đức... Với tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải quán triệt quan điểm vừa kế thừa vừa phát triển. Như vậy, một mặt chúng ta phải trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh, với lý tưởng và con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn, mặt khác chúng ta phải vận dụng quan điểm và phương pháp Hồ Chí Minh, nhất là triết lý “Đĩ bất biến ứng vạn biến” vào việc lý giải những vấn đề mới do thực tiễn thời kỳ đổi mới đặt ra để từ đó có được nhận thức mới, quan điểm mới, cách làm mới... và đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục vững chắc tiến lên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb ST, HN, 1970.
- [2] C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập, Tập 3*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 1995
- [3] C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập, Tập 23*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 1993
- [4] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2000
- [5] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 7*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2000
- [6] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 8*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2000
- [7] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2000
- [8] Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2000

(BBT nhận bài: 27/01/2016, phản biện xong: 04/3/2016)